

Số: /2025/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư ...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý các nội dung phân cấp, phân định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định trong Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện thẩm quyền quy định như sau:

a) Thẩm quyền, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện quy định trong Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND

ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;

b) Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định trong Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện thẩm quyền điều chỉnh quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với phần diện tích trên địa bàn cấp xã.

3. Việc quyết định hỗ trợ khác đối với dự án cụ thể được triển khai trên địa bàn nhiều xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ khác trên địa bàn sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân các xã có dự án đi qua mà có các trường hợp hỗ trợ tương tự.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:

“b) Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đã thực hiện các công việc nêu tại điểm a khoản 1 Điều này, xác định được người có đất thu hồi có chi phí đầu tư vào đất và đang trong thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định nhưng không có cơ sở để tính toán, xác định được chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ (không có tài liệu, bản đồ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến thửa đất cần xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại hoặc có nhưng không thể hiện, thể hiện không đầy đủ, không chính xác các thông tin liên quan,... làm cơ sở xem xét, xác định) thì chi phí đầu tư vào đất còn lại được bồi thường như sau:

Chi phí đầu tư vào đất còn lại do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho từng trường hợp cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 01 (một) lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt theo các mức sau:

a) Di chuyển chỗ ở trong phạm vi thửa đất còn lại của gia đình do phải làm lại nhà ở: 10.000.000 đồng/hộ;

b) Di chuyển chỗ ở trong phạm vi xã, phường: 12.000.000 đồng/hộ;

c) Di chuyển chỗ ở sang xã, phường khác trong phạm vi tỉnh: 14.000.000 đồng/hộ;

d) Di chuyển chỗ ở sang xã, phường, đặc khu khác thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác: 16.000.000 đồng/hộ”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 15 như sau:

“a) Mức hỗ trợ tiền thuê nhà như sau:

TT	Tên danh mục	Mức hỗ trợ (đồng/hộ/tháng)
I	Khu vực thành phố Hải Dương cũ (bao gồm các xã mới sáp nhập)	
1	Tại các phường	
1.1	Hộ từ 1-2 người	3.000.000
1.2	Hộ từ 3-5 người	4.000.000
1.3	Hộ từ 6 người trở lên	4.500.000
2	Tại các xã	
2.1	Hộ từ 1-2 người	2.200.000
2.2	Hộ từ 3-5 người	2.800.000
2.3	Hộ từ 6 người trở lên	3.300.000
II	Thị trấn, ven Quốc lộ, Tỉnh lộ và các phường thuộc khu vực thành phố Chí Linh cũ	
1	Hộ từ 1-2 người	2.500.000
2	Hộ từ 3-5 người	3.000.000
3	Hộ từ 6 người trở lên	3.500.000
III	Các xã, phường còn lại	
1	Hộ từ 1-2 người	1.800.000
2	Hộ từ 3-5 người	2.500.000
3	Hộ từ 6 người trở lên	3.000.000

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở:

a) Thuộc khu tái định cư của các phường là: 40m²;

b) Thuộc khu tái định cư của các xã còn lại (trừ các xã khu vực miền núi) là: 60m²;

c) Thuộc khu tái định cư của các xã khu vực miền núi:

- Khu tái định cư ven quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và tại các khu, điểm dân cư quy hoạch mới là 100m²;

- Khu tái định cư tại vị trí còn lại là 150m²”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại các điều, khoản của các Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024.

a) Thay thế các cụm từ như sau:

- Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”: tại khoản 1, 2, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15, khoản 2, 3, 4 Điều 16, khoản 2, 3 Điều 17, Điều 20.

- Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” và cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, khoản 4 Điều 19.

- Cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại khoản 5 Điều 19.

- Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại khoản 8 Điều 19.

- Cụm từ “Cục Thuế tỉnh” thành cụm từ “Chi cục Thuế khu vực V” tại khoản 11 Điều 19.

b) Bãi bỏ: khoản 4 Điều 10; cụm từ: “Sở Thông tin và Truyền thông” tại khoản 9 Điều 19; cụm từ: “Chi đạo Chi cục Thuế cấp huyện” tại điểm b khoản 11 Điều 19.

2. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa ban hành quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo thẩm quyền quy định của Luật Đất đai và Nghị định này đối với phần diện tích trên địa bàn cấp xã;

2. Trường hợp đang thực hiện trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo quy định tại Điều 87 của Luật Đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định này đối với phần diện tích trên địa bàn cấp xã;

3. Trường hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đang thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 vẫn còn hoạt động thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tương đương; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế- Bộ Xây dựng;
- UBND các xã, phường, thị trấn và tương đương;
- Trung tâm CNTT tỉnh (VPUBND tỉnh);
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất của tỉnh;
- Ban Quản lý Đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Châu